

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015

(Thuyết minh này là bộ phận không tách rời và được đọc chung với các Báo cáo tài chính đính kèm.)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Viễn Liên được thành lập theo Giấy phép thành lập Công ty số 223/GP ngày 02 tháng 3 năm 1993 do Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059051 ngày 05 tháng 3 năm 1993, đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 26 tháng 02 năm 2013 do Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- **Trụ sở chính của Công ty** tại 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh bất động sản, xây dựng và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản. Kinh doanh nhà ở. Cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại). Cho thuê cơ sở hạ tầng.
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế công trình thông tin liên lạc và bưu chính viễn thông (trạm đài thu phát, hệ thống cáp, cột anten). Tư vấn lập dự án đầu tư, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật (trừ tư vấn tài chính, kế toán). Tư vấn đấu thầu. Thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình viễn thông và tin học. Kiểm định chất lượng công trình xây dựng, bưu chính viễn thông.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.
- Lắp đặt hệ thống Xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện lạnh dân dụng và công nghiệp.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp.
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây lắp công trình đường bộ.
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây lắp công trình bưu chính viễn thông.
- Lắp đặt hệ thống điện.
- Sửa chữa thiết bị liên lạc. Chi tiết: Sửa chữa, bảo trì các thiết bị bưu chính viễn thông.
- Đại lý, môi giới đấu giá. Chi tiết: Đại lý kinh doanh thiết bị bưu chính viễn thông. Đại lý dịch vụ bưu chính, viễn thông.
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán hàng điện lạnh. Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (có nội dung được phép lưu hành).
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Mua bán thiết bị đầu cuối viễn thông; cáp, thiết bị viễn thông.
- Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình. Chi tiết: Sửa chữa, bảo trì các thiết bị điện lạnh.
- Hoạt động viễn thông có dây. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ internet (ISP)
- Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo thương mại. Dịch vụ tiếp thị.
- Trồng rừng và chăm sóc rừng. Chi tiết: Trồng rừng.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không hoạt động tại trụ sở).

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

1. **Kỳ kế toán năm** : bắt đầu từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán** : đồng Việt Nam (VND)



III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư 244/2009/TT0-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư, văn bản hướng dẫn bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

- Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán : Nhật ký chung trên máy vi tính
- Ngôn ngữ sử dụng trong ghi chép kế toán : tiếng Việt Nam

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền :

- Các nghiệp vụ kinh tế được ghi nhận bằng đồng Việt Nam (VND)
Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ khác đồng Việt Nam được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong công ty 6 tháng đầu năm 2015 được thực hiện theo quy định của Thông tư 179/TT-BTC ngày 24/10/2012 do Bộ Tài Chính ban hành.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.
Trong 6 tháng đầu năm 2015, công ty không có các giao dịch liên quan đến ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá hối đoái.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Tài sản cố định thuê tài chính: Nguyên giá của tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc là giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Trong năm 2013, công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính.
- Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo qui định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Bất động sản đầu tư được tính trích khấu hao như tài sản cố định của công ty.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.
- Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.
- Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:
 - + Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
 - + Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.
- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư ngắn hạn giảm xuống thấp hơn giá gốc công ty lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác tại thời điểm lập báo cáo, nếu:
 - + Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"
 - + Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn
 - + Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn: Công ty lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn trên cơ sở lập bổ sung (hay hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) số dự phòng đã lập năm trước còn lại đang ghi sổ kế toán.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

a. Chi phí trả trước

- Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.
- Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.
- Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

a. Chi phí khác

- Chi phí khác được vốn hoá là những khoản chi phí bao gồm: Chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của doanh nghiệp mới thành lập, chi phí cho giai đoạn nghiên cứu, chi phí chuyển dịch địa điểm được hoãn lại để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong thời gian tối đa không quá 3 năm theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 04 "Tài sản cố định vô hình"; lợi thế thương mại...
- Trong 6 tháng đầu năm 2015, công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến chi phí khác được vốn hóa.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

50117
CÔNG T
NHIỆM H
VỤ T
HỊ K
LIÊN T
Á NA
P. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Trong 6 tháng đầu năm 2015, công ty có phát sinh các khoản chi phí phải trả sau:

- Phải trả chi phí lãi vay: Căn cứ ước tính theo hợp đồng vay ngắn hạn và số dư nợ gốc vay.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

- Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả:

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 18 "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng".

- Phương pháp ghi nhận dự phòng phải trả:

Các khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

Công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến các khoản dự phòng phải trả.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

- a. Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu:**

- + Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu;
- + Thặng dư vốn cổ phần: được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu ở các công ty cổ phần khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ;
- + Vốn khác của chủ sở hữu: được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà công ty được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu, sau khi trừ (-) khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này.

- b. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản:**

Tại công ty không phát sinh nghiệp vụ đánh giá lại tài sản.

- c. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái:**

Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong công ty 6 tháng đầu năm 2015 được thực hiện theo quy định của Thông tư 179/TT-BTC ngày 24/10/2012 do Bộ Tài Chính ban hành.

Công ty không phát sinh các nghiệp vụ về chênh lệch tỷ giá hối đoái.

- d. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :

- a. Doanh thu bán hàng:**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" như:

- + Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua.
- + Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Công ty thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không ghi nhận là doanh thu trong kỳ. Trường hợp bán hàng trả chậm thì phần lãi trả chậm được hoãn lại ở khoản mục "Doanh thu chưa thực hiện" và sẽ ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính khi đến hạn thu được khoản tiền lãi này.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" như:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá tỷ lệ công việc hoàn thành.

c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d. Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Phần công việc hoàn thành của hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành/ hoặc theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa khối lượng xây lắp đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của hợp đồng.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- + Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- + Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- + Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Trong 6 tháng đầu năm, Công ty chưa sử dụng bất cứ công cụ nào để dự phòng rủi ro hối đoái.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- + Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- + Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi:



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

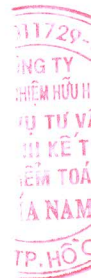
Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập, hoàn nhập, xử lý các khoản dự phòng được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 do Bộ Tài Chính ban hành.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- + Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- + Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại (nếu có) được phân loại là nợ dài hạn.



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

ĐVT : VND

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng Cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	185.307.599	32.184.782
Tiền gửi ngân hàng	2.955.071.205	3.063.057.412
- Ngân hàng TMCP Á Châu	109.559.003	64.486.093
- Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - PGD Phú Quốc	1.278.424	1.328.053
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank)- Chi nhánh Sài Gòn	937.656	933.894
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải VN-CN HCM - VND	242.859.991	277.965.907
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Nam Sài Gòn	2.594.151.896	2.711.354.633
- Ngân hàng khác (*)	6.284.235	6.988.832
Tiền đang chuyển	0	0
Các khoản tương đương tiền	0	0
Tổng	3.140.378.804	3.095.242.194

(*) Tiền gửi trong tài khoản đầu tư chứng khoán, được mở tại Công ty CP Chứng Khoán Đệ Nhất, được hưởng lãi suất không kỳ hạn như tiền gửi ngân hàng

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư ngắn hạn	445.000.000	445.000.000
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác (*)	445.000.000	445.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	-
Tổng	445.000.000	445.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

(*): Chi tiết số dư đầu tư ngắn hạn khác

Ông Nguyễn Văn Dơn (@)

Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải (@@)

Cộng

Số cuối kỳ	Số đầu năm
145.000.000	145.000.000
300.000.000	300.000.000
445.000.000	445.000.000

@: Cho Ông Nguyễn Văn Dơn (không phải thành viên của Công ty) vay theo Phụ lục hợp đồng 05-14/PL.HĐTD, lãi suất cho vay 14%/năm

@@: Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải, để đảm bảo cho hợp đồng cấp hạn mức bảo lãnh kỳ hạn 12 tháng tại cùng ngân hàng. Khoản tiền gửi này vẫn được hưởng lãi suất như tiền gửi tiết kiệm thông thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Phải thu của khách hàng	12.466.977.365	5.841.943.858
b. Trả trước cho người bán	3.040.000.000	800.000.000
c. Phải thu khác	14.464.073.628	18.108.031.544
d. Dự phòng phải thu khó đòi	(107.236.800)	(107.236.800)
Tổng	29.863.814.193	24.642.738.602

a. Chi tiết khoản phải thu của khách hàng:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban quản lý Đông thành phố	330.744.502	3.037.922.874
Ban quản lý Tây thành phố	800.281.579	1.558.231.401
Công ty cổ phần điện máy - máy tính - viễn thông Hợp Nhất	4.095.656	25.557.800
Khách lẻ	27.882.080	35.526.376
Trung tâm viễn thông Gia Định - Viễn thông Tp.HCM	34.903.000	
Công ty TNHH Nhà máy Bia VN	6.380.000	25.745.000
Công ty TNHH Liên Doanh Phú Mỹ Hưng		216.633.862
Bưu điện tỉnh Bến Tre	1.379.170	
Công ty cổ phần viễn thông FPT	59.566.100	177.506.450
CN Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	863.390.000	345.862.000
Trung tâm công nghệ thông tin - CN Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	13.013.220	
Trung tâm điều hành thông tin - Viễn thông Tp.HCM	9.896.370	
Trung tâm Kinh doanh - CNTĐ BCVT VN - VT TPHCM	252.849.991	101.870.636
Văn phòng Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố	1.936.000	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tp.HCM	352.000	
Công ty TNHH Bia & Nước giải khát Việt Nam	7.920.000	
Công ty vận tải đa phương thức 7		440.000
Công ty CP Thiết Kế Xây Lấp Viễn Đông	3.769.810	3.474.350
Trung tâm Điện toán - Truyền số liệu Khu vực 2	264.000	
CN Công ty TNHH Thương Mại Đầu Tư Và Phát Triển	3.712.720	1.026.960
CN Tổng Cty Điện Lực Tp.HCM-Công ty Điện Lực Thủ Đức		135.605.386
Trung Tâm Công Nghệ Thông Tin VDC		1.789.480
Công Ty TNHH Đầu Tư Liên Việt		2.860.000
Trung Tâm Viễn Thông Nam Sài Gòn	91.273.625	3.388.000
Công Ty TNHH Vinametric	1.898.600	1.039.500
Trung Tâm Cung Ứng Vật Tư-CN Tập Đoàn Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam	33.644.105	40.584.654
Trung tâm Kinh doanh - Viễn Thông Tây Ninh	45.709.825	12.901.501
Trung Tâm Viễn Thông Sài Gòn - Viễn Thông Tp.HCM		60.610.000
Trung Tâm Viễn Thông Tân Bình - Viễn Thông Tp HCM	42.619.357	53.367.628
Công ty TNHH MTV Hoàng Gia Phú Quốc	244.459.655	
Phải thu tiền mua đất Nguyễn Hải Phong	1.178.880.000	
Phải thu tiền mua đất Hồ Thị Phương Hoa	182.880.000	
Phải thu tiền mua đất Nguyễn Thu Hiền	1.178.880.000	
Phải thu tiền mua đất Nguyễn Thanh Huyền	1.325.376.000	
Phải thu tiền mua đất Nguyễn Thị Hường	589.440.000	
Phải thu tiền mua đất Võ Thành Duy	643.500.000	
Phải thu tiền mua đất Bùi Trần Tới	640.800.000	
Phải thu tiền mua đất Nguyễn Thị Hường	663.360.000	
Phải thu tiền mua đất Nguyễn Hoàng Hiếu	1.395.360.000	
Phải thu tiền mua đất Nguyễn Duy Khánh	1.786.560.000	
Cộng	12.466.977.365	5.841.943.858

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

b. Chi tiết khoản trả trước người bán:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP Đầu Tư XD Kiến Việt (*)	550.000.000	550.000.000
Công ty TNHH MTV Hoàng Gia Phú Quốc	2.240.000.000	0
Công ty CP Phan Thùy Phú Quốc	250.000.000	250.000.000
Cộng	3.040.000.000	800.000.000

(*) Là tiền ứng trước hợp đồng số 12/HĐKT-KV09 ngày 30/11/2009 về tư vấn, quản lý, giám sát về công tác đền bù, di dời, giải tỏa mặt bằng khu vực đầu tư xây dựng dự án khu biệt thự biển cao cấp Hàm Ninh - Phú Quốc.

c. Chi tiết khoản phải thu khác:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi phải thu Ông Nguyễn Văn Dỡn	323.050.828	312.984.252
Phải thu Yến Linh (đã lập dự phòng phải thu khó đòi)	107.236.800	107.236.800
Thuế TNCN phải thu lại		4.131.898
Ứng thi công dự án Phú Quốc	1.985.700.000	
Huỳnh Phan Thanh Vũ	266.086.000	170.000.000
Phải thu BHXH tiền trợ cấp ốm đau, thai sản		13.678.594
Phạm Đình Dũng (*)	11.780.000.000	17.500.000.000
Phải thu khác	2.000.000	
Cộng	14.464.073.628	18.108.031.544

(*): Ứng tiền thực hiện Dự án Đầu tư mở rộng diện tích mặt tiền biển tại Phú Quốc theo chấp thuận tại Tờ trình 18A/VL13 ngày 10/01/2013 của Hội Đồng Quản Trị Công ty CP Viễn Liên. Ông Phạm Đình Dũng đã tất toán khoản đầu tư này trước ngày 31/07/2015.

4. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Hàng mua đang đi đường	0	0
- Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	0	0
- Công cụ dụng cụ	0	0
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	32.361.959.853	41.167.048.895
- Thành phẩm	0	37.910
- Hàng hóa	2.451.315.032	2.411.471.410
- Hàng gửi bán	0	0
- Hàng hóa kho bảo thuế	0	0
- Hàng hóa bất động sản		
Tổng	34.813.274.885	43.578.558.215

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả : 0

- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm : 0

- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : không
 Tại Công ty có kiểm kê hàng tồn kho vào thời điểm 30/06/2015 theo đúng qui định của Nhà nước

(*): Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công trình xây dựng tại Phú Quốc	66.420.000	66.420.000
Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án của Công ty TNHH MTV Du Lịch Thương Mại Kiên Giang	26.620.897.418	37.814.913.691
Chi phí dở dang các công trình thi công	5.674.642.435	3.285.715.204
Cộng	32.361.959.853	41.167.048.895

5. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí trả trước ngắn hạn	109.175.002	0
- Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (*)	545.961.496	2.040.984.200
- Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	0	2.207.474
- Tài sản ngắn hạn khác (**)	2.374.656.763	2.836.366.252
Tổng	3.029.793.261	4.879.557.926

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

(*): Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ bao gồm:

Thuế giá trị gia tăng đã kê khai khấu trừ

Thuế giá trị gia tăng chưa kê khai khấu trừ

Cộng**Số cuối kỳ**

489.266.383

56.695.113

545.961.496**Số đầu năm**

1.889.415.425

151.568.775

2.040.984.200**(**): Tài sản ngắn hạn khác bao gồm:**

Tạm ứng (lương, công tác phí, thi công công trình, khác)

Ký quỹ ký cược ngắn hạn

- Ký quỹ bảo lãnh tại ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam

- Ký quỹ bảo lãnh tại Kho Bạc Nhà Nước Quận Thủ Đức

Cộng**Số cuối kỳ**

2.270.916.417

103.740.346

68.947.646

34.792.700

2.374.656.763**Số đầu năm**

2.698.724.000

137.642.252

61.999.552

75.642.700

2.836.366.252

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT LIÊN
 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

6. Tăng giảm Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	-	1.049.600.918	158.004.250	-	-	1.207.605.168
- Mua trong kỳ						-
- Đầu tư XDCB hoàn thành						-
- Tăng khác						-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác (*)						-
Số dư cuối kỳ	-	1.049.600.918	158.004.250	-	-	1.207.605.168
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	1.049.600.918	158.004.250	-	-	1.207.605.168
- Khấu hao trong kỳ						-
- Tăng khác						-
- Chuyển-sang bất động sản đầu tư						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác (*)						-
Số dư cuối kỳ	-	1.049.600.918	158.004.250	-	-	1.207.605.168
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
- Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-	-
- Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-	-	-

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay : 0 đồng

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng : 1.207.605.168 đồng

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý : 0

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

- Mua sắm tài sản cố định
- Xây dựng cơ bản dở dang (*)
- Sửa chữa lớn tài sản cố định

Tổng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	0	0
	83.256.532.673	82.669.882.673
	0	0
	83.256.532.673	82.669.882.673

(*): Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

- a. Tiền mua đất tại Ấp 3, xã Cửa Cạn, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
- b. Chi phí đầu tư thực hiện dự án Khu dân cư và biệt thự biển cao cấp Viễn Liên tại xã Hàm Ninh, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
- + Tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư, xây dựng Khu dân cư và biệt thự biển cao cấp Viễn Liên tại ấp Rạch Hàm, xã Hàm Ninh, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
- + Chi phí đầu tư dự án đầu tư, xây dựng Khu dân cư và biệt thự cao cấp Viễn Liên tại ấp Rạch Hàm, xã Hàm Ninh, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Tổng**Ghi chú:**

(b): Đây là chi phí đầu tư thực hiện dự án "Khu dân cư và biệt thự biển cao cấp Viễn Liên tại xã Hàm Ninh, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang" theo Quyết định số 47/QĐ-BQLTPQ ngày 19/06/2013 của Ban Quản Lý ĐTPPT Đảo Phú Quốc, UBND Tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư và biệt thự biển cao cấp Viễn Liên và Quyết định số 51/QĐ-BQLTPQ ngày 26/05/2014 của Ban Quản Lý ĐTPPT Đảo Phú Quốc, UBND Tỉnh Kiên Giang về việc giao đất cho Công ty Cổ phần Viễn Liên tại ấp Rạch Hàm, xã Hàm Ninh, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang để sử dụng vào mục đích đầu tư dự án Khu dân cư và biệt thự cao cấp Viễn Liên.

8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

- Đầu tư vào công ty con
 - Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (*)
 - Đầu tư dài hạn khác
 - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn
- Tổng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	0	0
	17.735.000.000	17.735.000.000
	0	0
	0	0
	17.735.000.000	17.735.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN
 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

(*): Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:

Đối tượng	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Số tiền	Số lượng cổ phiếu	Số tiền
Công ty Cổ Phần Thiết Kế Xây Lấp Viễn Đông	1.773.500	17.735.000.000	1.773.500	17.735.000.000
Cộng	1.773.500	17.735.000.000	1.773.500	17.735.000.000

Tại thời điểm 30/06/2015, mã cổ phiếu VDCO không có giao dịch công khai trên thị trường vốn (sàn giao dịch OTC và/hoặc UPcom) nên không tìm được giá giao dịch và theo Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán của Công ty Cổ Phần Thiết Kế Xây Lấp Viễn Đông thể hiện Công ty hoạt động kinh doanh có lãi nên không trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

- Phải trả người bán (*)
- Người mua trả tiền trước (**)

Tổng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	10.316.685.869	19.267.381.577
	4.490.537.745	795.604.283
	14.807.223.614	20.062.985.860

(*): Chi tiết công nợ phải trả người bán:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh vật tư	18.880.000	18.880.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xây dựng Tân Bảo Châu	10.147.500	
Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang (@)	9.251.999.000	15.251.999.000
Công ty Cổ phần Thiết kế Xây lắp Viễn Đông	264.000.000	1.588.625.592
Công ty Cổ phần Vật tư Thái Ngân		448.223.050
CN Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Phát triển	108.894.060	65.743.810
Công ty TNHH Mã Đức Huy	11.995.500	4.251.500
Công ty Cổ phần Chuẩn Việt	11.861.105	12.924.118
Công ty TNHH New Toyo Pulppy (VN)	8.336.768	3.884.390
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Dịch vụ Vạn Khang		292.774.350
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vật tư Thái Thành Phát		116.501.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Hải Châu	103.950.000	538.228.328
Nguyễn Văn Sang	600.000	1.150.000
Công ty TNHH Tân Y	3.003.000	3.003.000
Công ty TNHH Ta ta ti		275.862.928
Buru Điện Tây Ninh		12.400.740
CN-Công ty CP TBBĐ		69.659.548
Công ty CP Đầu Tư Lotas		180.510.000
Công ty CP ĐT Nhật Khánh		19.360.000
Công ty TNHH TM DV Ngân Thành		9.927.500
Công ty TNHH MTV Nhật Minh Việt		37.936.411
Công ty TNHH Bao Bì Mm Vidon		4.950.000
Công ty TNHH TM DV Qc Tân Lê Vinh		8.690.000
Công ty TNHH TM DV Tin Học Quang Hùng	18.436.000	15.356.000
Công ty TNHH XD TM Cơ Khí Phúc Nguyên	301.042.500	223.195.500
Công ty TNHH MTV TM DV N & D	134.948.066	63.344.812
Công ty CP TM DV Sửa chữa tàu biển Phước Thịnh	33.574.860	
Công ty TNHH Yên Thiên	20.617.300	
Công ty TNHH TM DV SX Giấy Khải Hoàng	14.400.210	

Cộng**10.316.685.869 19.267.381.577**

(@): Đây là công nợ phải trả tiền mua đất theo hợp đồng số 01/2011/HĐ-DA 67,5ha/DLTM ngày 29/03/2011 về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc “dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu Đô Thị mới 67,5ha tại khu phố 9, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang”.

(): Chi tiết người mua trả tiền trước :**

Công ty Điện Thoại Đông Thành Phố	16.404.283	16.404.283
Công nợ đặt cọc mua đất	4.417.813.462	695.200.000
Trung tâm Kinh doanh - CNTĐ BCVT VN - VT TPHCM	56.320.000	84.000.000
Cộng	4.490.537.745	795.604.283

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	16.404.283	16.404.283
	4.417.813.462	695.200.000
	56.320.000	84.000.000
	4.490.537.745	795.604.283

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế Giá trị gia tăng	0	0
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	0	0
- Thuế xuất, nhập khẩu	0	0
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.303.311.853	0
- Thuế thu nhập cá nhân	0	4.131.898
- Thuế tài nguyên	0	0
- Thuế nhà đất	0	0
- Tiền thuê đất	0	0
- Thuế khác	0	0
- Các khoản phí, lệ phí phải nộp khác	0	0
Tổng	<u>1.303.311.854</u>	<u>4.131.898</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 Phải trả công nhân viên

Chỉ tiêu	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả công nhân viên	314.551.185	236.230.950
Phải trả lao động khác	0	0
Tổng	<u>314.551.185</u>	<u>236.230.950</u>

13. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí lãi vay phải trả Công ty CP Thiết Kế Xây Lắp Viễn Đông	1.286.941.324	1.491.497.762
- Chi phí lãi vay phải trả Ông Phạm Đình Dũng	14.465.753	
- Chi phí môi giới bất động sản	671.662.723	
Tổng	<u>1.973.069.800</u>	<u>1.491.497.762</u>

14. Các khoản phải trả phải nộp khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Kinh phí công đoàn	66.859.940	48.881.800
- Bảo hiểm y tế	0	0
- Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	474.199.896	476.865.996
Tổng	<u>544.512.856</u>	<u>525.747.796</u>

(*): Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp khác:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền cổ tức phải trả	422.974.896	425.640.996
Phải trả khác	51.225.000	51.225.000
Cộng	<u>474.199.896</u>	<u>476.865.996</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

15. Nợ dài hạn

Phải trả dài hạn người bán

Phải trả dài hạn nội bộ

Phải trả dài hạn khác (*)

Vay và nợ dài hạn

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Dự phòng phải trả dài hạn

Tổng

(*): Nhận ký quỹ của nhân viên thu cước

Số cuối kỳ

Số đầu năm

100.000.000

100.000.000

0

0

100.000.000

100.000.000

350
66
CHÍNH
CH Y
HỒN
À KẾ
PKI
- TP

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN
 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

16. Vốn chủ sở hữu
 16.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	144.844.680.000	5.015.044.372	(2.233.060.000)	203.502.703	(5.275.286.263)	142.554.880.812
- Tăng vốn 6 tháng đầu năm trước					282.837.068	282.837.068
- Lợi nhuận 6 tháng đầu năm trước						
- Tăng khác 6 tháng đầu năm trước						
- Giảm vốn 6 tháng đầu năm trước						
- Lỗ 6 tháng đầu năm trước						
- Phân phối lợi nhuận 6 tháng đầu năm trước						
- Giảm khác 6 tháng đầu năm trước						
Số dư cuối kỳ trước	144.844.680.000	5.015.044.372	(2.233.060.000)	203.502.703	(4.992.449.195)	142.837.717.880
Số dư đầu năm nay	144.844.680.000	5.015.044.372	(2.233.060.000)	94.830.030	(4.352.182.330)	143.369.312.072
- Tăng vốn 6 tháng đầu năm nay					6.335.739.164	6.335.739.164
- Lợi nhuận 6 tháng đầu năm nay						
- Tăng khác 6 tháng đầu năm nay						
- Giảm vốn 6 tháng đầu năm nay						
- Lỗ 6 tháng đầu năm nay						
- Phân phối lợi nhuận 6 tháng đầu năm nay						
- Giảm khác 6 tháng đầu năm nay						
Số dư cuối kỳ nay	144.844.680.000	5.015.044.372	(2.233.060.000)	94.830.030	1.983.556.834	149.705.051.236



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

16.2 Chi tiết vốn chủ sở hữu

- Vốn góp của Nhà nước
- Vốn góp của các đối tượng khác

Tổng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	144.844.680.000	144.844.680.000
	144.844.680.000	144.844.680.000

16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu
 - + Vốn góp đầu năm
 - + Vốn góp tăng trong kỳ
 - + Vốn góp giảm trong kỳ
 - + Vốn góp cuối kỳ
- Cổ tức lợi nhuận đã chia

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	144.844.680.000	144.844.680.000
	144.844.680.000	144.844.680.000
	144.844.680.000	144.844.680.000
	-	

16.4 Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký lưu hành
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng
 - + Cổ phiếu phổ thông
 - + Cổ phiếu ưu đãi
- Số lượng cổ phiếu được mua lại
 - + Cổ phiếu phổ thông
 - + Cổ phiếu ưu đãi
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
 - + Cổ phiếu phổ thông
 - + Cổ phiếu ưu đãi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	14.484.468	14.484.468
	14.484.468	14.484.468
	14.484.468	14.484.468
	301.600	301.600
	301.600	301.600
	14.182.868	14.182.868
	14.182.868	14.182.868

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh**17. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

- Trong đó:
 - Doanh thu tư vấn thiết kế
 - Doanh thu xây dựng, dịch vụ xây lắp
 - Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ khác
 - Doanh thu cung cấp cáp
 - Doanh thu kinh doanh bất động sản

Tổng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	517.157.000	418.830.693
	1.022.115.866	8.733.372.879
	8.747.536.571	3.140.215.396
	1.769.738.500	699.379.115
	14.776.579.912	
	26.833.127.849	12.991.798.083

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

- + Chiết khấu thương mại
- + Giảm giá hàng bán
- + Hàng bán bị trả lại
- + Thuế GTGT phải nộp (trực tiếp)
- + Thuế Tiêu thụ đặc biệt
- + Thuế xuất khẩu

Tổng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	-	-
	-	-
	-	-
	-	-
	-	-
	-	-
	-	-

19. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Trong đó:
 - Doanh thu tư vấn thiết kế
 - Doanh thu xây dựng, dịch vụ xây lắp
 - Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ khác
 - Doanh thu cung cấp cáp
 - Doanh thu kinh doanh bất động sản

Tổng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	517.157.000	418.830.693
	1.022.115.866	8.733.372.879
	8.747.536.571	3.140.215.396
	1.769.738.500	699.379.115
	14.776.579.912	-
	26.833.127.849	12.991.798.083

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
20. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn tư vấn thiết kế	402.910.537	395.752.097
- Giá vốn xây dựng, dịch vụ xây lắp	870.709.014	7.577.237.545
- Giá vốn bán hàng hóa và dịch vụ khác	6.406.530.622	2.554.694.151
- Giá vốn cung cấp cấp	1.657.688.408	626.998.327
- Giá vốn kinh doanh bất động sản	11.194.016.273	
Tổng	20.531.854.854	11.154.682.120
21. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi	12.791.450	12.460.984
- Lãi tiền cho vay	10.066.576	17.149.998
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	532.050.000	
- Doanh thu hoạt động tài chính khác (*)	3.500.000.000	700.000.000
Tổng	4.054.908.026	729.610.982
<p>(*): Đây là khoản lãi đã thu phát sinh từ việc sử dụng vốn đầu tư 17.500.000.000 đồng (mười bảy tỷ năm trăm triệu đồng) để thực hiện dự án mở rộng diện tích mặt biển, khu dân cư theo Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị số 02/HĐQT-14 ngày 09 tháng 06 năm 2014 và Quyết định số 03/HĐQT-2014 về việc phải đảm bảo đạt hiệu quả đầu tư cho khoản đầu tư này của Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Viễn Liên.</p>		
22. Chi phí tài chính		
- Lãi tiền vay	188.813.425	497.372.221
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		2.760
- Chi phí tài chính khác - Phí lưu ký cổ phiếu quỹ	727.860	727.868
Tổng	189.541.285	498.102.849
23. Thu nhập khác, chi phí khác		
Thu nhập khác		
Thu thanh lý tài sản cố định		22.272.727
Tổng	-	22.272.727
Chi phí khác		
Chi phí khác	1.175.262	631.611
Tổng	1.175.262	631.611
24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.641.258.491	282.837.068
Các khoản điều chỉnh tăng	1.175.262	-
Chi phí không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh	1.175.262	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(532.050.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(532.050.000)	-
Lợi nhuận tính thuế	7.110.383.753	282.837.068
Lợi nhuận từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	2.910.900.916	
Doanh thu từ hoạt động bất động sản	14.776.579.912	
Chi phí liên quan đến hoạt động bất động sản	11.865.678.996	
Giá vốn	11.194.016.273	
Chi phí hoạt động liên quan(chi phí môi giới)	671.662.723	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.199.482.837	
Chuyển lỗ	(1.176.204.997)	(282.837.068)
Số lỗ phát sinh 2011 được chuyển trong năm	(1.176.204.997)	(282.837.068)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Lợi nhuận tính thuế sau khi trừ chuyển lỗ	5.934.178.756	-
Từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	2.910.900.916	
Từ hoạt động kinh doanh	3.023.277.840	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.305.519.327	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	640.398.202	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ kết quả kinh doanh	665.121.126	-
Số lỗ còn được chuyển các năm sau	-	(1.176.204.997)
Lỗ năm 2011	-21.431.763.471	-21.431.763.471
Lỗ năm 2011 xác định lại sau điều chỉnh hồi tố theo Biên bản kiểm tra quyết toán thuế	-18.674.465.640	-18.674.465.640
Lỗ năm 2011 đã chuyển năm 2012	13.395.924.886	13.395.924.886
Lỗ năm 2011 đã chuyển 6 tháng đầu năm 2013		
Lỗ năm 2011 đã chuyển năm 2013	210.846.583	210.846.583
Số lỗ năm 2011 điều chỉnh giảm sau kiểm tra quyết toán thuế	2.783.246.903	2.783.246.903
Lỗ năm 2011 đã chuyển trong năm 2014	1.108.242.271	1.108.242.271
Lỗ năm 2011 đã chuyển trong 6 tháng đầu năm 2015	1.176.204.997	
25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.335.739.164	282.837.068
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.335.739.164	282.837.068
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	14.182.868	14.182.868
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (*)	447	20
26. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.036.686.785	10.720.569.302
Chi phí nhân công	3.006.435.678	1.861.188.023
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	0
Chi phí dịch vụ mua ngoài	992.444.657	1.429.528.832
Chi phí dịch vụ khác bằng tiền	906.276.592	744.004.292
Cộng	15.941.843.712	14.755.290.449

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty Cổ Phần Viễn Liên không phát sinh các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

VIII. Những thông tin khác**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Không phát sinh

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

3. Thông tin về các bên liên quan**a. Các giao dịch chủ yếu đối với các bên có liên quan**

Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền
Công ty CP Xây Lắp Thiết Kế Viễn Đông	Công ty liên kết và có cùng Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị	Nhận cổ tức góp vốn	532.050.000
		Thanh toán nợ gốc vay	9.720.000.000
		Chi phí lãi vay	95.443.562
		Trả lãi vay	300.000.000
		Doanh thu bán hàng hóa	12.366.970
		Thu tiền bán hàng	12.071.510
		Thanh toán công nợ	1.588.625.592
		Chi phí thuê nhà	240.000.000
Ông Huỳnh Phan Thanh Vũ	Ủy viên Hội Đồng Quản Trị	Thu hồi khoản phải thu khác	12.414.000
		Tạm ứng thực hiện dự án	108.500.000
Ông Phạm Đình Dũng	Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám Đốc	Hoàn trả tiền ứng thực hiện Dự án Đầu tư mở rộng diện tích mặt tiền biển tại Phú Quốc	5.720.000.000
		Thu lãi tiền ứng thực hiện dự án	3.500.000.000
		Vay ngắn hạn	2.000.000.000
		Chi phí lãi vay	93.369.863
		Trả lãi vay	78.904.110
		Ứng tiền thi công dự án Phú Quốc	1.985.700.000

b. Các khoản nợ phải thu, phải trả tại ngày 30/06/2015 với các bên có liên quan:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số dư công nợ
Công ty CP Xây Lắp Thiết Kế Viễn Đông	Công ty liên kết và có cùng Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị	Tiền lãi vay phải trả	1.286.941.324
		Phải trả vay ngắn hạn	880.000.000
		Phải trả nhà cung cấp	264.000.000
		Phải thu khách hàng	3.769.810
		Đầu tư vào công ty liên kết	17.735.000.000
Ông Huỳnh Phan Thanh Vũ	Ủy viên Hội Đồng Quản Trị	Phải thu khác	266.086.000
Ông Phạm Đình Dũng	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám Đốc	Phải thu khác	11.780.000.000
		Phải trả vay ngắn hạn	2.000.000.000
		Tiền lãi vay phải trả	14.465.753

c. Thu nhập của Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc

Thu nhập của các thành viên chủ chốt trong kỳ:

96.000.000 đồng

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

a. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý:

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

b. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty hiện có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: mua bán, dịch vụ, đại lý ký gửi, mua bán sản phẩm tin học, thiết bị đầu, cuối viễn thông.
- Lĩnh vực tư vấn, xây lắp: thiết kế, thi công công trình thông tin liên lạc và bưu chính viễn thông (trạm đài thu phát, hệ thống cáp, cột anten) ,...

501
SỐ
H
I
M
K
I
Á
- TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT LIÊN

86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Kết quả kinh doanh tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và các giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực đầu tư tài chính	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay							
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	10.517.275.071	1.539.272.866	14.776.579.912				26.833.127.849
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận							
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.517.275.071	1.539.272.866	14.776.579.912	-	-	-	26.833.127.849
Chi phí bộ phận	8.064.219.030	1.273.619.551	11.194.016.273				20.531.854.854
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.453.056.041	265.653.315	3.582.563.639				6.301.272.995
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							2.524.205.983
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							3.777.067.012
Doanh thu hoạt động tài chính				4.054.908.026			4.054.908.026
Chi phí tài chính				189.541.285			189.541.285
Thu nhập khác							-
Chi phí khác					1.175.262		1.175.262
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							1.305.519.327

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Tổng giá trị các khoản chi phí không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)

6.335.739.164

584.600.000

-



CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN LIÊN

86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Chỉ tiêu	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực tư vấn xây lắp	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực đầu tư tài chính	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
6 tháng đầu năm trước							12.991.798.083
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	3.839.594.511	9.152.203.572					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	3.839.594.511	9.152.203.572					12.991.798.083
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ							
Chi phí bộ phận	3.181.692.478	7.972.989.642					11.154.682.120
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	657.902.033	1.179.213.930					1.837.115.963
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							1.807.428.144
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				729.610.982			29.687.819
Doanh thu hoạt động tài chính				498.102.849			729.610.982
Chi phí tài chính							498.102.849
Thu nhập khác					22.272.727		22.272.727
Chi phí khác					631.611		631.611
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp							-
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác							-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn							-
Tổng giá trị các khoản chi phí không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)							-
							282.837.068

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN LIÊN
86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Chỉ tiêu	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực đầu tư tài chính	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ							
Tài sản trực tiếp của bộ phận	3.919.981.346	7.087.917.486	39.245.933.418	18.180.000.000			68.433.832.250
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận							103.849.961.567
Tổng tài sản	3.919.981.346	7.087.917.486	39.245.933.418	18.180.000.000	-	-	172.283.793.817
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	650.409.009	9.739.001.143	4.417.813.462	2.880.000.000			17.687.223.614
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận							4.891.518.967
Tổng nợ phải trả	650.409.009	9.739.001.143	4.417.813.462	2.880.000.000			22.578.742.581
Số đầu năm							
Tài sản trực tiếp của bộ phận	3.657.260.993	146.870.766.005		18.180.000.000			168.708.026.998
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận							8.337.952.612
Tổng tài sản	3.657.260.993	146.870.766.005	-	18.180.000.000			177.045.979.610
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	16.653.109.107	3.509.876.753		10.600.000.000			30.762.985.860
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận							2.913.681.678
Tổng nợ phải trả	16.653.109.107	3.509.876.753	-	10.600.000.000			33.676.667.538

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

5. Thông tin so sánh

Điều chỉnh trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước do các thay đổi trong chính sách kế toán của năm nay:
Không phát sinh các khoản điều chỉnh.

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 30/06/2015, Công ty không có các khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản lưu động, hoặc lỗ lũy kế làm âm vốn chủ sở hữu làm ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong 12 tháng kế tiếp.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở Công ty vẫn sẽ tiếp tục hoạt động trong vòng 12 tháng kế tiếp.

7. Những thông tin khác**7.1 Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị dự phòng		Giá trị hợp lý	
	Ngày 30/06/2015	Ngày 31/12/2014	Ngày 30/06/2015	Ngày 31/12/2014	Ngày 30/06/2015	Ngày 31/12/2014
Tài sản tài chính						
Đầu tư tài chính ngắn hạn	445.000.000	445.000.000	0	-	445.000.000	445.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	17.735.000.000	17.735.000.000			17.735.000.000	17.735.000.000
Phải thu khách hàng	12.466.977.365	5.841.943.858			12.466.977.365	5.841.943.858
Phải thu khác	14.464.073.628	18.110.239.018	(107.236.800)	(107.236.800)	14.356.836.828	18.003.002.218
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.140.378.804	3.095.242.194			3.140.378.804	3.095.242.194
Cộng	30.071.429.797	27.047.425.070	(107.236.800)	(107.236.800)	29.964.192.997	26.940.188.270
Nợ phải trả tài chính						
Vay và nợ	2.880.000.000	10.600.000.000			2.880.000.000	10.600.000.000
Phải trả cho người bán	10.316.685.869	19.267.381.577			10.316.685.869	19.267.381.577
Các khoản phải trả khác	3.820.894.510	2.021.377.456			3.820.894.510	2.021.377.456
Cộng	17.017.580.379	31.888.759.033	-	-	17.017.580.379	31.888.759.033

7.2 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính**a. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

b. Phải thu khách hàng

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty không có hoạt động kinh doanh xuất khẩu, các khoản phải thu khách hàng của Công ty là phải thu khách hàng trong nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng đối với khoản công nợ phải thu khách hàng trong nước bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, các khách hàng truyền thống và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Ngoài ra, công ty vẫn theo dõi, phân tích tuổi nợ và khả năng có thể thu hồi được của các khoản công nợ phải thu khách hàng, để trích lập dự phòng đối với các công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán (nếu có).

c. Phải thu khác

Ban Giám Đốc của Công ty thường xuyên theo dõi, cập nhật công nợ, đôn đốc thu hồi nợ để giảm thiểu rủi ro tín dụng của các khoản công nợ phải thu khác, đánh giá khả năng có thể thu hồi được và trích lập dự phòng đối với những khoản công nợ không có khả năng thu hồi.

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty không phát sinh thêm khoản trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi.

d. Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp (xem thuyết minh V.1).

e. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.



Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Từ 1 năm trở xuống</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Cộng</i>
Tại ngày 30/06/2015			
Vay và nợ (*)	2.880.000.000	-	2.880.000.000
Phải trả cho người bán	10.316.685.869	-	10.316.685.869
Phải trả khác và các khoản trích trước	2.021.377.456	100.000.000	2.121.377.456
Cộng	15.218.063.325	100.000.000	15.318.063.325
Tại ngày 31/12/2014			
Vay và nợ	10.600.000.000	-	10.600.000.000
Phải trả cho người bán	19.267.381.577	-	19.267.381.577
Phải trả khác và các khoản trích trước	2.021.377.456	100.000.000	2.121.377.456
Cộng	31.888.759.033	100.000.000	31.988.759.033

Khoản vay và nợ ngắn hạn (dưới 1 năm) của Công ty tại ngày 30/06/2015 chủ yếu là khoản vay từ công ty liên kết và vay của Tổng Giám Đốc Công ty.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

f. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng lưu chuyển tiền tệ trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có 4 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích về độ nhạy dưới đây được trình bày trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

g. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro ngoại tệ của Công ty được đánh giá là không đáng kể do Công ty hầu như không có các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ cũng như các khoản mục có gốc tiền tệ bằng ngoại tệ cuối kỳ.

h. Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty cũng không có rủi ro về ngoại tệ nên Công ty không phân tích chỉ tiêu này.

i. Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, vay và nợ.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình. Ngoài ra, Ban Giám đốc Công ty chưa áp dụng thêm bất kỳ biện pháp nào để quản lý rủi ro về lãi suất.

j. Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty.

